

# Đo lường tăng năng suất lao động ở Việt Nam bằng phương pháp phân tích tỉ trọng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

**Nguyễn Quốc Tế**

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

htqtnqt@ueh.edu.vn

**Nguyễn Thị Đông**

Học viện Ngân hàng

dong283vn@yahoo.com

Ngày nhận: 27/03/2013  
Ngày nhận lại: 31/05/2013  
Ngày duyệt đăng: 15/06/2013  
Mã số: 03-13-DE-21

## Tóm tắt

Nghiên cứu đo lường tăng năng suất lao động xã hội thông qua quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của đất nước, giai đoạn 1994-2011. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tỉ trọng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cho thấy kết quả tăng năng suất lao động VN thời gian qua chủ yếu đạt được từ hiệu ứng chuyển dịch tĩnh. Năng suất lao động tăng lên nhờ chuyển dịch cơ cấu ngành, lao động thuộc nhóm ngành có năng suất thấp được chuyển sang nhóm ngành có năng suất lao động cao. Các yếu tố nội sinh và hiệu ứng chuyển dịch động lại có biểu hiện của "gánh nặng cơ cấu" và sự lạc hậu về công nghệ trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

**Từ khóa:** Năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

## Abstract

This study measured productivity growth through the process of economic structural transformation in the period between 1994 and 2011. Through the research, proportion analysis of the transformation was applied, which indicated that labor productivity having grown over the recent time in Vietnam was mainly resulted from effects of static transformation and that the increase in productivity depended on structural transformation and the workforce with low productivity was shifted to that with high productivity. Endogenous factors and effects of dynamic transformation also show signs of "structural burden" and technological backwardness in this process.

**Keywords:** Labor productivity, economic structural transformation.



## 1. Đặt vấn đề

Tăng năng suất lao động là nhằm bảo đảm cho sản xuất phát triển và đời sống con người được nâng cao. Nhờ tăng năng suất lao động mà khối lượng sản phẩm vật chất và dịch vụ của xã hội tăng. Năng suất lao động xã hội tăng lên là yếu tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần mở rộng quan hệ và hợp tác quốc tế, thúc đẩy hội nhập v.v..

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao năng suất lao động xã hội đã được Đảng và Nhà nước ta xác định là hướng đi tất yếu để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu, chậm phát triển trở thành một quốc gia văn minh, hiện đại. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, chuyển dịch cơ cấu kinh tế vẫn chưa mang lại mức tăng thực sự bền vững về năng suất lao động xã hội. Do đó, việc nhận diện các yếu tố nào trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế đem lại mức tăng năng suất lao động xã hội cao là rất có ý nghĩa thực tiễn.

## 2. Mối quan hệ giữa năng suất lao động và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

### 2.1. Năng suất lao động

Năng suất lao động là chỉ tiêu đo lường hiệu quả sử dụng lao động cụ thể trong quá trình sản xuất, đặc trưng bởi quan hệ so sánh giữa một chỉ tiêu đầu ra (kết quả sản xuất) với lao động để sản xuất ra nó. Ở từng đơn vị kinh tế (như công ty và các loại hình doanh nghiệp khác), năng suất lao động đo bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trên một đơn vị thời gian, hoặc thời gian cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm. Còn ở phạm vi toàn nền kinh tế, năng suất lao động biểu hiện thành năng suất lao động xã hội (LP), được xác định trên cơ sở tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc tổng sản phẩm quốc dân (GNP) chia cho số lượng lao động đang làm việc ở mỗi thời kì trong nền kinh tế (L).

$$LP = \frac{GDP}{L} \quad (1)$$

Tăng năng suất lao động là sự tăng lên của sức sản xuất, sự thay đổi trong cách thức lao động theo hướng rút ngắn thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa sao cho lượng lao động ít hơn mà lại tạo ra nhiều giá trị sử dụng hơn (Trần Xuân Cầu & Mai Quốc Chánh, 2012). Đây là con đường tăng tổng sản phẩm xã hội không có giới hạn, vì nó phụ thuộc vào sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, mà sự tiến bộ này đã được thực tiễn chứng minh là vô hạn. Thực tiễn nước ta hiện nay, tăng năng suất lao động được coi là vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu, là một trong ba đột phá chiến lược để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế, và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững (Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, 2011).

### 2.2. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu ngành kinh tế là tương quan giữa các ngành trong tổng thể kinh tế, thể hiện mối quan hệ hữu cơ và sự tác động qua lại cả về số và chất lượng giữa các ngành với nhau. Cơ cấu ngành kinh tế luôn thay đổi theo từng thời kì phát triển bởi các yếu tố hợp thành cơ cấu không cố định. Quá trình thay đổi cơ cấu của ngành từ trạng thái này sang trạng thái khác và ngày càng hoàn thiện hơn, phù hợp với môi trường và điều kiện phát triển gọi là sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế (Phạm Ngọc Linh & Nguyễn Thị Kim Dung, 2011).

Xét trên khía cạnh tăng trưởng và phát triển kinh tế thì cơ cấu ngành được xem là quan trọng nhất, được quan tâm nghiên cứu nhất vì nó phản ánh sự phát triển của khoa học công nghệ, lực



lượng sản xuất, phân công lao động, chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất. Trạng thái cơ cấu ngành là dấu hiệu phản ánh trình độ phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành là một quá trình diễn ra liên tục và gắn với sự phát triển kinh tế. Mặt khác, nhịp độ phát triển và tính chất bền vững của quá trình tăng trưởng kinh tế lại phụ thuộc vào khả năng chuyển dịch cơ cấu ngành linh hoạt, phù hợp với những điều kiện bên trong, bên ngoài và các lợi thế tương đối của nền kinh tế.

### 2.3. *Mối quan hệ giữa tăng năng suất lao động và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế*

Khi xem xét tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến tốc độ tăng năng suất lao động, các nhà kinh tế giả định rằng trong điều kiện các yếu tố khác như thiết bị, vốn/lao động, lao động có trình độ tay nghề chuyên môn nhất định ... là không đổi, thì chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là nguyên nhân quan trọng dẫn đến tăng năng suất lao động xã hội. Theo mô hình hai khu vực của Lewis, nền kinh tế bao gồm: Khu vực nông nghiệp nông thôn truyền thống với năng suất thấp, và khu vực công nghiệp thành thị hiện đại với năng suất cao. Khu vực nông thôn dư thừa lao động trong khi có sự toàn dụng nhân công ở khu vực công nghiệp. Do đó, việc dịch chuyển lao động từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp sẽ khiến cho năng suất lao động của toàn bộ nền kinh tế tăng lên (E. Wayne Nafziger, 1998). Ngay cả trong nội bộ mỗi ngành (Ví dụ ngành công nghiệp) cũng sẽ có sự dịch chuyển lao động từ những ngành có năng suất lao động thấp (như ngành dệt - may) sang những ngành có năng suất lao động cao hơn (như ngành điện tử, cơ khí). Sự dịch chuyển trong nội bộ các ngành cũng sẽ làm năng suất lao động của toàn bộ nền kinh tế tăng lên. Mặt khác, nếu lao động lại dịch chuyển theo chiều hướng ngược lại, tức là ngành có năng suất lao động cao sang ngành có năng suất lao động thấp thì việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế sẽ làm giảm năng suất của toàn nền kinh tế (Nguyễn Thị Lan Hương, 2007).

## 3. *Lượng hóa tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đến tăng năng suất lao động*

### 3.1. *Phương pháp phân tích tỉ trọng chuyển dịch cơ cấu ngành*

Phương pháp phân tích tỉ trọng chuyển dịch xem xét quá trình tăng năng suất lao động thông qua sự vận động của cơ cấu ngành kinh tế và mức độ chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành.

Phương pháp phân tích này được xây dựng bởi nhà kinh tế học Fabricant, S. (1942), ông sử dụng để đo lường số lượng lao động trên một đơn vị sản phẩm sản xuất ra. Sau này, các nhà kinh tế học như Syrquin, M. (1984), Fagerberg, J. (2000), Timmer, M. & Szirmai, A. (2000) đã vận dụng phương pháp phân tích của Fabricant, nhưng lại nghiên cứu theo hướng nghịch đảo: đo lường số lượng sản phẩm sản xuất ra trên một đơn vị lao động.

Gọi LP là tổng năng suất lao động xã hội;  $i$  tương ứng với các ngành sản xuất ( $i = 1, \dots, n$ , với  $n$  là số lượng các ngành);  $S_i$  là tỉ trọng lao động làm việc trong ngành  $i$  trong tổng số lao động làm việc; 0 và  $t$  là thời điểm bắt đầu và kết thúc của giai đoạn nghiên cứu. Tổng năng suất lao động tại thời điểm  $t$  ở công thức (1) có thể được triển khai thành:

$$LP^t = \frac{GDP^t}{L^t} = \sum_{i=1}^n \frac{GDP_i^0 \cdot L_i^t}{L_i^0 \cdot L^t} = \sum_{i=1}^n LP_i^0 \cdot S_i^t \quad (2)$$

Sử dụng phương trình (2) để tính toán sự khác biệt trong các mức độ năng suất lao động tổng hợp tại thời điểm 0 và  $t$  (Timmer, M. & Szirmai, A., 2000):



$$LP^t - LP^0 = \sum_{i=1}^n LP_i^0 (S_i^t - S_i^0) + \sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) \cdot (S_i^t - S_i^0) + \sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) \cdot S_i^0 \quad (3)$$

Chia 2 vế của phương trình (3) cho  $LP^0$ , hình thành nên công thức tính tốc độ tăng trưởng năng suất lao động xã hội:

$$GLP_t = \frac{LP^t - LP^0}{LP^0} = \frac{\sum_{i=1}^n LP_i^0 (S_i^t - S_i^0)}{LP^0} + \frac{\sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) (S_i^t - S_i^0)}{LP^0} + \frac{\sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) S_i^0}{LP^0} \quad (4)$$

Phương trình (4) đánh giá tốc độ tăng năng suất lao động xã hội dựa trên ba bộ phận: về đầu tiên bên phải phương trình biểu hiện “hiệu ứng chuyển dịch tĩnh”, về thứ hai biểu hiện “hiệu ứng chuyển dịch động” và về thứ ba là “năng suất lao động nội sinh” (Timmer, M. & Szirmai, A., 2000).

Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh đo lường tốc độ tăng năng suất lao động xã hội thông qua chuyển dịch cơ cấu lao động hướng tới những ngành có năng suất lao động cao hơn, sử dụng trọng số là giá trị năng suất lao động của ngành ở năm đầu tiên trong thời kì nghiên cứu. Theo Chenery & cộng sự (1986), các ngành công nghiệp nhẹ có mối quan hệ tỉ lệ giữa vốn trên lao động thấp hơn so với các ngành công nghiệp nặng, và vì những ngành tập trung nhiều vốn thường có năng suất lao động cao hơn nên sự chuyển dịch lao động từ công nghiệp nhẹ sang công nghiệp nặng sẽ có xu hướng làm tăng năng suất lao động xã hội. Mặt khác, hiệu ứng chuyển dịch tĩnh có vai trò rất quan trọng đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước nông nghiệp với đặc trưng mật độ dân số cao, công việc lại chỉ tập trung theo mùa vụ trong năm nên hiện tượng dư thừa lao động diễn ra phổ biến. Do đó, nếu lao động chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp có năng suất lao động thấp sang khu vực công nghiệp có năng suất lao động cao hơn sẽ được coi là “phần thưởng cơ cấu” của một quốc gia đang phát triển (Timmer, M. & Szirmai, A., 2000). Điều này có nghĩa giả thiết “phần thưởng cơ cấu” được xây dựng trên cơ sở kì vọng đóng góp của hiệu ứng chuyển dịch tĩnh vào tốc độ tăng năng suất lao động xã hội của nền kinh tế là dương.

$$\frac{\sum_{i=1}^n LP_i^0 (S_i^t - S_i^0)}{LP^0} > 0 \quad (5)$$

Khác với hiệu ứng chuyển dịch tĩnh chỉ hướng tới ngành có năng suất lao động cao, hiệu ứng chuyển dịch động đo lường tốc độ tăng năng suất lao động xã hội dựa trên sự thay đổi cả về năng suất lao động lẫn tốc độ tăng năng suất lao động của ngành. Nếu lao động chuyển dịch sang ngành vừa có năng suất lao động cao, vừa có tốc độ tăng năng suất lao động cao thì sẽ làm tăng năng suất lao động xã hội, hiệu ứng tương tác mang tính tích cực sẽ được khuếch đại hơn. Ngược lại, nếu lao động chuyển dịch từ các ngành phát triển năng động với tốc độ tăng năng suất cao sang các ngành truyền thống đặc trưng với tốc độ tăng năng suất thấp thì có thể là nguyên nhân dẫn đến tình trạng tăng trưởng lùi về kinh tế. Baumol, W. (1967) gọi đây là “gánh nặng cơ cấu” trong quá trình phân phối lại lực lượng lao động theo ngành. Do vậy, khi xuất hiện gánh nặng cơ cấu thì hiệu ứng chuyển dịch động sẽ mang dấu âm:

$$\frac{\sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) (S_i^t - S_i^0)}{LP^0} < 0 \quad (6)$$



Hiệu ứng cuối cùng trong tăng năng suất lao động xã hội là năng suất lao động nội sinh, phản ánh năng suất lao động được cải thiện trong điều kiện không có sự chuyển dịch cơ cấu lao động, quy mô lao động làm việc tại mỗi ngành trong nền kinh tế là không đổi trong thời kì nghiên cứu. Bộ phận này có thể coi là yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), vì ngoài nhân tố chuyển dịch cơ cấu ngành, tăng năng suất lao động còn là kết quả của việc ứng dụng tiến bộ công nghệ, cải tiến hiệu quả kĩ thuật thông qua cải tiến phương pháp quản trị, đào tạo, nâng cao chất lượng, tay nghề của người lao động..., và tất cả ảnh hưởng của các yếu tố này đã được tính gộp trong tốc độ tăng năng suất lao động nội sinh.

### 3.2. Mô tả dữ liệu phân tích

Ứng dụng phương pháp phân tích tỉ trọng chuyển dịch cơ cấu ngành, nghiên cứu sử dụng bộ số liệu của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) giai đoạn 1994-2011 về lao động đang làm việc trong nền kinh tế VN phân theo ngành (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) và giá trị tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) theo giá so sánh 1994. Riêng số liệu của năm 2012 chưa được ADB cập nhật nên nghiên cứu sử dụng số liệu tính toán cho năm 2012 từ Tổng cục Thống kê. Qua so sánh số liệu về lao động và GDP qua các năm từ hai nguồn này cho thấy có sự trùng khớp nên mặc dù số liệu được sử dụng từ hai nguồn khác nhau nhưng không ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu. Phương trình (4) được tính toán dựa vào số liệu thu thập chỉ ra mức độ ảnh hưởng của các hiệu ứng chuyển dịch tới tốc độ tăng năng suất lao động xã hội.

### 3.3. Kết quả tính toán

Nghiên cứu chia thành 5 giai đoạn tính toán và xem xét trên cả hai khía cạnh: Tỉ lệ tăng (giảm) của mỗi yếu tố đóng góp vào tốc độ tăng năng suất lao động xã hội ở mỗi giai đoạn và tỉ trọng thể hiện tỉ lệ đóng góp của các yếu tố vào mức tăng năng suất lao động xã hội nói chung.

**Bảng 1. Tăng năng suất lao động ở VN qua các giai đoạn**

| Đơn vị tính: %                 |               |               |               |               |               |
|--------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Giai đoạn                      | 1994-1997     | 1997-2000     | 2000-2004     | 2004-2008     | 2008-2012     |
| <b>Tỉ lệ của các yếu tố</b>    |               |               |               |               |               |
| Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh      | 0,66          | 12,30         | 12,36         | 19,68         | 8,04          |
| Hiệu ứng chuyển dịch động      | 0,26          | -1,32         | 0,74          | -4,00         | -0,088        |
| Tăng NSLĐ nội sinh             | 19,75         | -4,19         | 4,73          | 3,66          | -0,187        |
| Tốc độ tăng NSLĐXH             | 20,67         | 6,79          | 17,83         | 19,34         | 7,85          |
| <b>Tỉ trọng của các yếu tố</b> |               |               |               |               |               |
| Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh      | 3,19          | 181,15        | 69,32         | 101,76        | 102,5         |
| Hiệu ứng chuyển dịch động      | 1,26          | -19,44        | 4,15          | -20,68        | -0,11         |
| Tăng NSLĐ nội sinh             | 95,55         | -61,71        | 26,53         | 18,92         | -2,39         |
| <b>Tổng</b>                    | <b>100,00</b> | <b>100,00</b> | <b>100,00</b> | <b>100,00</b> | <b>100,00</b> |

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ADB



Theo tính toán trên, các yếu tố đóng góp vào tăng năng suất lao động xã hội ở VN có biến động rất khác nhau ở các kì nghiên cứu. Nếu như ở giai đoạn 1994-1997, yếu tố năng suất lao động nội sinh như đổi mới công nghệ, cải tiến kĩ thuật, trình độ tay nghề, quản lí ... đã làm năng suất lao động xã hội tăng 19,75 điểm phần trăm, đóng góp đến 95,55% sự gia tăng của năng suất lao động xã hội, thì ở giai đoạn 1997-2000, 2008 -2012, yếu tố này đã mang lại mức tăng trưởng âm. Đây là bằng chứng thể hiện việc ứng dụng các tiến bộ công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại và cải tiến kĩ thuật, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động ở nước ta còn rất hạn chế. Càng về sau, năng suất lao động nội sinh không duy trì ổn định và cũng không đóng vai trò quyết định đối với tốc độ tăng năng suất lao động xã hội, thay vào đó là vai trò của hiệu ứng chuyển dịch tĩnh. Nghiên cứu cho thấy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản sang khu vực công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ thương mại với năng suất cao hơn diễn ra mạnh mẽ, tác động tích cực đến năng suất lao động xã hội, đặc biệt trong hai giai đoạn 1997-2000 và 2004-2008, sự chuyển dịch này làm năng suất lao động tăng 12,36% và 19,68%, tương đương với đóng góp 181,15% và 101,76% vào tốc độ tăng năng suất lao động xã hội. Kết quả trên phản ánh đúng lí thuyết của Lewis về sự chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp ở một nước vừa mới công nghiệp hóa, khi mà lao động ở nông nghiệp còn dư thừa nhiều. Ý nghĩa to lớn của hiệu ứng chuyển dịch tĩnh ở VN cho thấy trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, do năng suất lao động của các ngành phi nông nghiệp cao hơn rất nhiều lần, nên chỉ cần giảm lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp đưa sang làm việc trong khu vực phi nông nghiệp cũng đã đem lại sự tăng trưởng mạnh mẽ về năng suất lao động xã hội của VN.

Cuối cùng, hiệu ứng chuyển dịch động có đóng góp rất nhỏ vào việc tăng năng suất lao động xã hội ở hầu hết các kì nghiên cứu, thậm chí có hai giai đoạn nghiên cứu có hiệu ứng chuyển dịch động là âm với tỉ lệ đóng góp -19,44% và -20,68%, thể hiện tốc độ tăng năng suất lao động xã hội ở khu vực công nghiệp và dịch vụ bị đình trệ, thấp hơn so với tốc độ tăng ở khu vực nông nghiệp, tạo ra “gánh nặng cơ cấu” cho nền kinh tế. Gánh nặng này xuất phát chủ yếu từ đặc điểm lao động của VN đơn thuần chỉ là dịch chuyển về số lượng, với ưu thế giá rẻ và dồi dào, chưa có trình độ tay nghề cao, nên các sản phẩm công nghiệp thường mang tính thâm dụng yếu tố lao động nhiều hơn công nghệ và vốn, dẫn đến tốc độ tăng năng suất lao động không nhanh, trong khi đó khu vực nông nghiệp được giải phóng một lực lượng lao động do quá trình chuyển dịch, đồng thời khu vực này đang có xu hướng sử dụng công nghệ sinh học và máy móc thiết bị vào sản xuất, nên năng suất lao động tăng nhanh hơn. Gánh nặng cơ cấu sẽ tiếp tục xuất hiện và tồn tại nếu như khu vực công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ, thương mại không cải tiến được năng suất lao động.

#### **4. Kết luận và đề xuất giải pháp liên quan đến chính sách**

Tăng năng suất lao động xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế là hai vấn đề trung tâm để một nền kinh tế tăng trưởng. Xem xét mối quan hệ của chúng cũng chính là đi tìm phương án tối ưu để giải quyết vấn đề. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tăng năng suất lao động xã hội ở VN trong thời gian qua chủ yếu đạt được nhờ vào chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp năng suất thấp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ với năng suất cao hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tốc độ tăng năng suất lao động ở hai khu vực công nghiệp và dịch vụ không nhanh, chứng tỏ tăng năng suất lao động xã hội đạt được trong thời gian qua chủ yếu là do mở



rộng các ngành thâm dụng lao động để hút lao động dồi dào với giá rẻ ở khu vực nông nghiệp, chứ chưa phải là tăng năng suất xã hội đạt được do cải tiến về công nghệ hay trình độ tay nghề. Theo kết quả khảo sát “thiếu hụt lao động kĩ năng ở VN” do Viện Khoa học Lao động và Xã hội (Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội) phối hợp với tập đoàn Manpower tiến hành tại 6.000 doanh nghiệp thuộc 9 lĩnh vực kinh tế tại 9 tỉnh, thành phố ở VN, các doanh nghiệp đánh giá chất lượng lao động VN nằm trong nhóm 10% thấp nhất của khu vực. Trong tổng số các doanh nghiệp tham gia khảo sát, có đến 1/4 doanh nghiệp cho rằng lao động VN thiếu hiểu biết về công nghệ và khả năng sáng tạo; 1/5 nhận xét lao động VN thiếu khả năng thích nghi với công nghệ mới; 1/3 doanh nghiệp không tìm được lao động có kĩ năng mà họ cần; và 2/5 giám đốc điều hành gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động (Dũng Hiếu, 2012). Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, lao động giá rẻ ở VN vẫn đang là một lợi thế, nhưng là một lợi thế không có tương lai, vì nếu cứ tiếp tục duy trì lợi thế này thì VN sẽ không thể tăng trưởng cao trong vài năm tới (Lê Phái, 2010). Do đó, để nâng cao năng suất lao động xã hội, VN cần quan tâm đến một số các giải pháp sau:

**Thứ nhất**, tiếp tục tái cơ cấu lại kinh tế của từng ngành và toàn bộ nền kinh tế. Nhìn nhận lại thời gian qua, để đạt được mục tiêu cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020, nhiều ngành công nghiệp như: sản xuất ô tô, sắt thép, đóng tàu... đã được đầu tư hay trợ cấp thông qua ưu đãi thuế nhiều tỉ USD, tuy nhiên chưa có một số liệu thống kê nào chứng tỏ rằng đây là những thế mạnh và hứa hẹn của VN trong tương lai, bởi việc phát triển những ngành công nghiệp này trong thời gian qua chưa thực sự dựa vào nội lực của đất nước mà còn do những yếu tố khác. Trong khi đó, sau hơn 20 năm đổi mới, nhờ khai thác thế mạnh của mình, VN đã là “nước lớn” về xuất khẩu nông sản và các mặt hàng gia dụng như hồ tiêu, gạo, cà phê, chè, cao su, thủy sản, dệt may, da giày và đồ gỗ. Hơn thế, đây chính là những ngành giúp giải quyết việc làm và nâng cao đời sống cho phần lớn người dân VN, thế nhưng các mặt hàng này mới chỉ dừng ở mức sơ chế hoặc gia công, việc đầu tư vào những khâu có giá trị gia tăng cao hơn dường như chưa được chú trọng đúng mức. Do đó cần phải cơ cấu lại các ngành, nghề, sản phẩm theo hướng ưu tiên lựa chọn phát triển các sản phẩm tiếp theo dựa trên những sản phẩm hiện có, nhất là các sản phẩm xuất khẩu nhằm phát huy năng lực sẵn có của quốc gia.

**Thứ hai**, để việc cơ cấu lại ngành nghề, sản phẩm diễn ra thuận lợi, Chính phủ cần thay đổi cơ cấu đầu tư theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất và thu hoạch nông sản, công nghiệp bảo quản sau thu hoạch, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm với trình độ công nghệ cao và sạch nhằm tăng sức cạnh tranh, thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động về địa bàn nông thôn để góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động. Đồng thời, để đáp ứng được nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành công nghiệp hiện đại, VN nên tập trung vào việc đổi mới nhanh chóng hệ thống giáo dục, đặc biệt là giáo dục bậc đại học theo hướng phát triển năng lực tư duy và năng lực sáng tạo.

Ngoài ra, tính toán còn cho thấy mặc dù các yếu tố nội sinh không duy trì được mức tăng ổn định, nhưng rõ ràng chúng có đóng góp đáng kể vào quá trình tăng năng suất lao động xã hội. Năng suất lao động nội sinh có thể được phát huy thông qua việc huy động, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực quản lý điều hành. Để làm được những điều này, một mặt cần phải có Nhà nước mạnh, có năng lực xây dựng và thực hiện chính sách nhất quán, minh bạch; mặt khác, cần phải có các doanh nghiệp thực hiện được các khâu đột



phá và là chủ thể của các hoạt động sáng tạo tri thức, kỹ thuật. Vai trò của Nhà nước thể hiện ở việc hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp bằng cách xây dựng hệ thống thông tin kinh tế hoàn hảo, dễ tiếp cận; thiết kế hệ thống cơ chế chính sách theo hướng tôn vinh, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư dài hạn; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tạo sự bình đẳng trong tiếp cận các yếu tố sản xuất của các thành phần kinh tế. Ngược lại, nhiệm vụ của doanh nghiệp là tận dụng sự hỗ trợ của Nhà nước để phát huy hiệu quả công việc; cải tiến năng lực tổ chức sản xuất, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất lao động trong mỗi đơn vị của doanh nghiệp mình, từ đó góp phần nâng cao năng suất lao động xã hội cho nền kinh tế.

Nói tóm lại, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế để nâng cao năng suất lao động xã hội được coi là một trong những vấn đề cốt lõi trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo cho sự thịnh vượng và phát triển bền vững. Bằng phương pháp phân tích tỉ trọng chuyển dịch cơ cấu đơn giản, dễ tính, số liệu sẵn có và ít phải xử lý - phù hợp với thực trạng số liệu và chuỗi thời gian không dài của các nước đang phát triển như ở VN, kết quả phân tích rất có ý nghĩa kiểm định đối với các nhận xét về tương quan giữa quá trình tăng trưởng năng suất lao động xã hội và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Tuy nhiên, mặt hạn chế của phương pháp này là ít có tính dự báo cho tương lai, do vậy cần phải tiếp tục nghiên cứu mối quan hệ này theo các phương pháp khác ■

### Tài liệu tham khảo

- ADB (2012), *Key Indicators for Asia and the Pacific 2012*, [www.adb.org/statistics](http://www.adb.org/statistics), truy cập ngày 14/03/2013.
- Baumol, W. (1967), "Macroeconomics of Unbalanced Growth: The anatomy of Urban Crisis", *The American Economic Review*, pp415 – 426.
- Chenery, H. & ctg (1986), *Industrialization and Growth: A Comparative Study*, Oxford University Press, New York.
- Dũng Hiếu (2012), *Năng suất lao động tại VN thuộc hàng đáy khu vực*, [www.vneconomy.vn](http://www.vneconomy.vn), truy cập ngày 14/03/2013.
- E. Wayne Nafziger (1998), *Kinh tế học của các nước đang phát triển*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- Fabricant, S. (1942), *Employment in Manufacturing 1899 – 1939*, National Bureau of Economic Research, New York.
- Fagerberg, J. (2000), "Technological Progress, Structural Change and Productivity Growth in Manufacturing: A Comparative Study", *Structural Change and Economic Dynamics*, pp393 – 411.
- Lê Phái (2010), *Nhận diện năng lực cạnh tranh của VN*, <http://www.baomoi.com>, truy cập ngày 14/03/2013.
- Nguyễn Tấn Dũng (2011), *Thực hiện tốt 3 khâu đột phá chiến lược mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đề ra là nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 – 2016*, [www.thanhnien.com.vn](http://www.thanhnien.com.vn), truy cập ngày 14/03/2013.
- Nguyễn Thị Lan Hương (2007), "Phân tích tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới tăng trưởng kinh tế ở VN", *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, số 353, tr3-11.
- Phạm Ngọc Linh & Nguyễn Thị Kim Dung (2011), *Giáo trình kinh tế phát triển*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.



- Syrquin, M. (1984), “Resource Allocation and Productivity Growth”, Moshe Syrquin, Lance Taylor, Larry E. Westphal (Eds), *Economic Structural Performance – Essays in Honor of Hollis B. Chenery*, Academic Press, Orlando, Florida, pp75 – 111.
- Timmer, M.& Szirmai, A. (2000), “Productivity Growth in Asian Manufacturing: The Structural Bonus Hypothesis Examined”, *Structural Change and Economic Dynamics*, pp371 – 392.
- Tổng cục Thống kê (2012), *Niên giám thống kê 2012*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- Trần Xuân Cầu & Mai Quốc Chánh (2012), *Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.